TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 620/2026/QĐST-VHNGĐ	*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 786/2026/TLST-VHNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2026 về việc "*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con*", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Ông Trần Minh T, sinh năm 1996. Căn cước công dân số: 074096002302. Địa chỉ: Số B, tổ G, khu H, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Hồ Thị Yến N, sinh năm 2006. Căn cước công dân số: 074306009502. Địa chỉ: Số B, tổ C, khu phố T, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Minh T và bà Hồ Thị Yến N chung sống và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (Nay là UBND phường C, Thành phố Hồ Chí Minh) vào ngày 03/03/2025 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 13, ngày 03/03/2025. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Minh T và bà Hồ Thị Yến N là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Do hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên ông Trần Minh T và bà Hồ Thị Yến N yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Do hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] *Về con chung*: Ông Trần Minh T và bà Hồ Thị Yến N có 01 con chung tên Trần Minh T1, sinh ngày 03/04/2025. Ông T và bà N thỏa thuận sau khi ly hôn ông T sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Trần Minh T1.

[3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông T và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông T và bà N tự thỏa thuận, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] *Về lệ phí sơ thẩm*: Ông T và bà N mỗi người tự nguyện chịu số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên Tòa án ghi nhận.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trần Minh T và bà Hồ Thị Yến N thuận tình ly hôn.

1.2.*Về con chung*: Giao con chung tên Trần Minh T1, sinh ngày 03/04/2025 cho ông Trần Minh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

1.3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông Trần Minh T và bà Hồ Thị Yến N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai có quyền cấm đoán, ngăn cản. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, các bên có quyền yêu cầu mức cấp dưỡng, xin thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ cho rằng người trực tiếp nuôi con không đáp ứng được quyền lợi của con.

1.4. *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông Trần Minh T và bà Hồ Thị Yến N tự thỏa thuận, không có yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Trần Minh T và bà Hồ Thị Yến N mỗi người tự nguyện nộp số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng); được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0007008 ngày 03/08/2026 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND KV 15-TP. Hồ Chí Minh;
- CCTHADS TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường Chánh Hiệp, TP. Hồ Chí Minh;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hồng Thắm